# CÁC THỦ THUẬT SỬA LỖI TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

**Tống Hưng Tâm**
Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

**Tóm tắt**

*Trong dạy và học Tiếng Anh, người học mắc lỗi là một trong những thành tố của quá trình tri nhận kiến thức. Để lĩnh hội tri thức, người học cần nỗ lực học và khắc phục những lỗi sai để đạt được mục tiêu học tập. Nghiên cứu các thủ thuật sửa lỗi tiếng Anh cho sinh viên trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội được tiến hành với phương pháp định lượng để xác định những lỗi phổ biến và định tính để phát hiện các thủ thuật sửa lỗi hiệu quả. Kết quả nghiên cứu đã hướng dẫn và chỉ ra bản chất của ngôn ngữ thực hành, giáo viên đưa ra dẫn chứng, ví dụ và minh họa hay gợi ý để sinh viên tự sửa lỗi trong giới hạn có thể. Sửa lỗi theo cặp hoặc theo nhóm cũng tạo động lực cạnh tranh học tập một cách lành mạnh và có hiệu quả lâu dài vì việc sửa lỗi được khắc sâu trong ngữ cảnh của nhiều thành viên. Giáo viên sửa những lỗi đặc biệt hoặc có độ khó nhất định giúp sinh viên nắm được bản chất của tiếng Anh thực hành một cách chuyên sâu. Việc mã hóa các lỗi giúp sinh viên chủ động nhận biết, tiết kiệm thời gian và ứng dụng ngôn ngữ thành thạo theo từng cấp độ.*

***Từ khóa:*** Thủ thuật sửa lỗi; tiếng Anh

**Abstract**

***English error correction techniques for students of Hanoi University of Natural Resources and Environment***

*In teaching and learning English, making mistakes is one of the elements of learners' knowledge perception. To perceive knowledge, learners have to learn hard and overcome errors to achieve their learning goals. English error correction techniques for students of Hanoi University of Natural Resources and Environment was conducted with quantitative methods to identify popular mistakes and qualitative method to discover useful techniques to correct mistakes. Studied results showed that during instructing and pointing out the nature of the practice language, teachers provide evidence, examples, and illustrations or suggestions for students to correct mistakes by themselves within the possible time limits. Correcting errors in pair or group work also creates a better and effective long-term learning competition dynamically because error correction is deeply embedded in the context of many members. Teachers should correct special errors or in certain difficulty to help students grasp the essence of English for practice in depth. The error coding helps students to proactively recognize, save time and apply language proficiency according to each level.*

**Keywords:** Error correction technique; English

## 1. Đặt vấn đề

Không ai có thể phủ nhận được tầm quan trọng của tiếng Anh trong giao tiếp quốc tế. Đặc biệt trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, tiếng Anh chính là ngôn ngữ chính thức của hơn 53 quốc gia và vùng lãnh thổ, là ngôn ngữ chính thức của khối EU và là ngôn ngữ thứ 3 được nhiều người sử dụng nhất chỉ sau tiếng Trung Quốc và Tây Ban Nha (do sự chênh lệch

về dân số các quốc gia sử dụng). Tiếng Anh (TA) là một ngôn ngữ đẹp, gắn liền với nhiều nét văn hóa đặc sắc từ những quốc gia sử dụng nó. Tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (ĐH TN&MT HN) việc dạy và học TA luôn được chú trọng để kiến thức ngôn ngữ được thực hành hiệu quả. Việc học một ngôn ngữ khác không phải tiếng mẹ đẻ, bao giờ cũng có nhiều khó khăn, vì thế để học tốt TA đòi hỏi sinh viên (SV) phải có những động lực khá rõ ràng. Việc mắc lỗi trong khi học và sử dụng ngôn ngữ khiến một số SV không đủ tự tin giao tiếp. Tuy nhiên mắc lỗi cũng được coi là yếu tố tích cực trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ thành công khi nhận ra lỗi để sửa và thực hành đúng. Áp dụng thủ thuật sửa lỗi phù hợp là một trong những yêu cầu trong quá trình truyền thụ tiếng Anh thành công của giảng viên (GV). Nghiên cứu này được tiến hành tại trường ĐH TN&MT HN với 2 lớp Tiếng Anh 1 (96 sinh viên), đề cập đến các lỗi phổ biến SV mắc phải cũng như nguyên nhân và các thủ thuật sửa lỗi hiệu quản giúp SV nhận ra và tích cực học tốt hơn.

## 2. Cơ sở nghiên cứu

Khi SV sử dụng TA, dù là viết hay nói thì SV luôn muốn biết là mình có mắc lỗi nào trầm trọng hay không, các em luôn muốn hỏi GV rằng: "*Nội dung bài làm có đúng không?*" như vậy việc sửa lỗi là rất cần thiết. Thông thường việc sửa lỗi được thực hiện sau quá trình sử dụng ngôn ngữ của học sinh. Theo Vega, P. (2017) [5], cần sửa những lỗi có ảnh hưởng đến nghĩa của câu (Errors that interfere with meaning); Thì động từ (Verb tense); Trật tự từ (Word order); Lựa chọn từ không chính xác (Confusing word choice); Lỗi sai về chính tả (Confusing spelling). Đôi khi không cần thiết phải sửa các lỗi không ảnh hưởng đến nghĩa của câu nếu như bài viết của SV đã quá nhiều lỗi để tránh tâm lý chán nản cho SV (Errors that are less likely to interfere with meaning); Mạo từ hay còn gọi là quán từ (Article mistakes); Giới từ (Preposition mistakes); Dấu chấm (.) hay dấu phẩy (,) (Comma splices); Các lỗi chính tả nhỏ (Minor spelling mistakes). GV sửa (Teacher's correction) lỗi cho SV là phương pháp tối ưu nhất mà thường áp dụng trong quá trình giảng dạy. Tuy nhiên SV cũng có thể tự sửa, sửa theo cặp hoặc sửa theo nhóm để giúp ngôn ngữ được thực hành hiệu quả hơn. Trong quá trình học TA, có lỗi trong sử dụng ngôn ngữ là chuyện rất bình thường là một vấn đề lành mạnh, bổ ích. Chính vì từ những lỗi sai SV mới tìm được cái đúng, cái chính xác và từ cái chính xác đó dẫn đến quá trình học tập đúng đắn. SV mắc lỗi mà thực hành sửa hoặc được sửa để sử dụng đúng. Càng có nhiều cái đúng thì việc học tập lại càng diễn ra theo chiều hướng tốt. SV thường được học nhiều điều từ những lỗi khi áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế. Các dạng lỗi thường gặp khi học TA là lỗi từ vựng (vocabulay); lỗi ngữ pháp hoặc cấu trúc câu (grammar or structure patterns) và lỗi chính tả (spelling)

Việc sửa lỗi ngôn ngữ của SV luôn được coi trọng vì tầm quan trọng của nó trong việc phân tích lỗi giúp GV áp dụng kỹ thuật và chiến lược phù hợp để SV tránh hoặc giảm thiểu số lỗi đó trong khi thực hành ngoại ngữ. Donald, R. (2018) [1] khẳng định, việc sửa lỗi cho người học có ba tác dụng: *Thứ nhất,* GV nhận thấy sự tiến bộ của người học và bổ xung những gì còn phải học. *Thứ hai,* quá trình sửa lỗi cung cấp bằng chứng về cách một ngôn ngữ được tiếp thu và những chiến lược mà người học sử dụng để học một ngôn ngữ. *Thứ ba,* đối với quá trình học tập, việc mắc lỗi được coi như một yếu

tố người học sửa sai để học chuyên sâu. Theo Ellis, R. (2006) [2], nền tảng cơ bản được thực hiện trong lĩnh vực phân tích và sửa lỗi là nó giúp GV và các nhà giáo dục EFL (English as a foreign language: Tiếng Anh là Ngoại ngữ) làm quen với các lỗi thường gặp nhất mà người học EFL mắc phải và hướng dẫn SV ngôn ngữ xem xét một số vấn đề quan trọng về việc hiểu ý nghĩa của việc sửa lỗi trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ như: cần sửa lỗi, giáo viên nên sửa lỗi ở giai đoạn nào và làm thế nào để giáo viên có thể sửa lỗi cho người học mà không làm mất động lực của họ.

Motlag, L. (2015) [4] phân biệt rõ ràng sửa lỗi được coi là một hình thức phản hồi cho người học về việc sử dụng ngôn ngữ của họ. Không một GV nào có thể phủ nhận một thực tế là sửa lỗi SV mắc phải khi nói hoặc viết là một trong những nhiệm vụ khó khăn nhất trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ. Vì vậy, mỗi GV hoặc SV học TA nên cân nhắc một số vấn đề sau đây về sửa lỗi: sự khác biệt giữa lỗi và lỗi, mức độ sửa lỗi, GV nên sửa lỗi ở giai đoạn nào và làm thế nào để GV có thể sửa lỗi cho SV mà không làm mất động lực của anh ấy/ cô ấy.

Ngữ pháp phổ thông do Michael, C. (2008) [3] đề xuất cho rằng mỗi con người đều có một năng lực bẩm sinh có thể hướng dẫn họ thông qua một số lượng lớn các khả năng tạo câu. Do đó, Chomsky khẳng định, việc mắc lỗi của người học là một sự tiến bộ trong quá trình quy nạp ngôn ngữ. Sửa lỗi cũng nhằm kích thích sự hứng thú học TA của SV. Giúp SV tích cực tham gia hoạt động cùng học, cùng tương tác, cùng tìm ra cái sai của mình, cùng nhau sửa lỗi để trở biết cách vận dụng TA vào thực tiễn. Qua thực tế cho thấy, người học nói chung và SV trường ĐH TN&MT HN nói riêng thường xuyên mắc lỗi khi sử dụng TA trong giai đoạn bắt đầu học tại trường. Các lỗi phổ biến mà SV hay mắc phải là gì? Nguyên nhân cơ bản của SV khi mắc các lỗi này? Các thủ thuật sửa lỗi nào có hiệu quả? Nghiên cứu này nhằm mục đích liệt kê các lỗi cơ bản và các thủ thuật sửa lỗi hiệu quả trong quá trình giảng dạy TA tại trường ĐH TN&MT HN.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp định tính thông qua điều tra, phỏng vấn và thu thập thông tin trong quá trình dạy và học TA 1 với 2 lớp (96 SV) năm thứ nhất và định lượng nội dung qua các thông số và các câu trả lời từ SV để làm rõ tính thực tiễn của nghiên cứu về các lỗi phổ biến trong quá trình dạy và học TA tại trường ĐH TN&MT HN. Những phản hồi trong quá trình nghiên cứu qua bảng hỏi giúp cho tác giả lựa chọn, đánh giá mức độ đáp ứng một cách phù hợp các thủ thuật sửa lỗi, giúp GV có định hướng mới trong nghiên cứu và giảng dạy thực tiễn một cách tích cực hơn.

## 4. Kết quả và thảo luận

### *4.1. Các lỗi phổ biến và nguyên nhân*

*4.1.1. Các lỗi phổ biến*

***Bảng 1. Các lỗi phổ biến trong bài thi tổng hợp***

| Tổng số lỗi | Ngữ âm | | Trọng âm | | Từ vựng/chính tả | | Ngữ pháp/cấu trúc câu | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 480 | 140 | 29,1 | 180 | 37,6 | 100 | 20,8 | 60 | 12,5 |

Trong 96 bài thi, tổng số lỗi SV mắc phải là 480, trong đó thấp nhất là 60 lỗi ngữ pháp/ cấu trúc câu chiếm 12,5%. Điều này chứng tỏ phần lớn SV nắm được ngữ pháp và cấu trúc câu cơ bản trong vận dụng ngôn ngữ. Có 100 lỗi từ vựng/ chính tả chiếm tỷ lệ 20,8%. Trên thực tế, SV đã biết nghĩa của từ, cách sử dụng của từ trong câu. Tuy nhiên, do tần suất thực hành các kỹ năng chưa nhiều nên một số SV chưa nhớ chính xác cách viết từ hoặc chính tả của từ đó. Với 140 lỗi ngữ âm tương ứng với tỷ lệ 29,1%. Thông số này chứng tỏ SV chưa thực sự chú trọng việc luyện nói và ghi nhớ cách phát âm của từ nên nhiều lúc giao tiếp chưa thành công. Số lỗi SV mắc nhiều nhất là phần trọng âm với 180 lỗi, tương ứng với 37,6%. Có thể do việc đa âm trong tiếng Anh làm SV bối rối hoặc chưa xác định được tầm quan trọng của trọng âm trong từ quyết định ngữ nghĩa và nội dung giao tiếp nên SV chưa chú trọng thực sự.

*4.1.2. Nguyên nhân mắc lỗi*

***Sự ảnh hưởng của ngôn ngữ mẹ đẻ (Mother - Tongue interference):*** Đây là loại lỗi khá hệ thống trong quá trình học TA. SV khi học ngoại ngữ thường áp dụng một cách máy móc cú pháp ngôn ngữ mẹ đẻ vào quá trình học TA, nhưng thực tế là có rất nhiều điểm khác biệt về cú pháp giữa các ngôn ngữ khác nhau. Ví dụ: Về ảnh hưởng của cú pháp ngôn ngữ mẹ đẻ, cụ thể ở đây là Tiếng Việt dịch sang Tiếng Anh khiến SV mắc các lỗi về ngữ pháp/ cấu trúc câu. Nhiều SV nói hoặc viết "She ***buys*** a new car ***yesterday***". Tiếng Việt (TV) không thay đổi hình thức từ khi thay đổi trạng ngữ thời gian nhưng trong TA, các thì thời được xác định theo trạng ngữ thời gian.

***Sự liên đới về ngôn ngữ (Cross - association):*** Sự liên đới là một hiện tượng ảnh hưởng qua lại giữa một số quy tắc về học ngôn ngữ giữa người này với người khác. Quy tắc này có thể áp dụng được với TV nhưng hoàn toàn không phù hợp với TA. TV chủ yếu là đơn âm và không có trọng âm, trong khi TA đa âm tiết và có trọng âm. Thậm chí cùng chữ cái nhưng trong các từ khác nhau thì phát âm khác nhau. Đây chính là sự khác biệt lớn dẫn đến việc SV mắc nhiều lỗi ngữ âm và trọng âm. Chữ cái a trong từ có cách phát âm khác nhau ***a***rtistic /ɑːˈtɪstɪk/ ; el***a***stic /ɪˈlæstɪk/

***Lỗi do bất cẩn (Errors due to carelessness):*** Các yếu tố về tâm lý như bất cẩn, mệt mỏi, hoặc quên quy tắc ngữ pháp cũng có thể là nguyên nhân gây ra lỗi trong quá trình sử dụng ngôn ngữ. Nhiều SV đã viết hoặc nói "He has many ***homes*** in the city" ở đây có thể SV chưa phân biệt được ngữ nghĩa và cách sử dụng giữa hai từ "Home" và "House" và hoàn toàn chỉ nhìn bề mặt nghĩa thông thường. Điều này là ảnh hưởng không tích cực của ngôn ngữ ứng dụng.

***Quá trình dạy và học gây ra lỗi (Teaching - learning induced errors):*** Thói quen không tích cực trong quá trình học của SV cũng có thể là một trong những nguyên nhân gây ra lỗi. Với một lớp TA có sỹ số trên 40 và việc một số SV không tập trung tri nhận ngôn ngữ trong lớp học TA sẽ tạo ra khoảng trống kiến thức. Trong khi GV không thể đảm bảo 100% SV thụ đắc tất cả những gì được truyền tải trong 50 phút của 1 tiết học. Không thể phủ nhận rằng không dễ dàng xác định các lỗi và sửa lỗi hiệu quả nếu bản thân SV không cố gắng và tập trung học. GV áp dụng thủ thuật dạy học tích cực hiệu quả khi SV tích cực học, nhận ra lỗi để sửa và tiến bộ hơn. Nói cách khác việc áp dụng phương pháp học dù có tốt hoặc hiệu quả ở các môi trường đến đâu nhưng bản thân SV không có động lực

học tốt thì ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của quá trình học ngôn ngữ.

### *4.2. Các thủ thuật sửa lỗi phổ biến hiện nay*

Tùy vào dạng lỗi, mức độ mắc lỗi và trình độ của SV, GV áp dụng các thủ thuật sửa lỗi một cách linh hoạt để phù hợp và mang lại hiệu quả tích cực trong quá trình học. Có một số các thủ thuật sửa lỗi phổ biến hiện nay được áp dụng rộng rãi đối với các lớp EFL ở Việt Nam và trên thế giới.

*4.2.1. Tự sửa (Self-correction)*: Tự sửa là khi người học tự sửa thay vì GV sửa. GV có thể khuyến khích người học tự sửa chữa ở các mức độ khác nhau, bằng cách hướng dẫn ít nhiều cho người học về vị trí và bản chất của lỗi của họ, và các ví dụ về cách sử dụng ngôn ngữ tốt để họ so sánh và sử dụng ngôn ngữ phù hợp. GV giúp Người học tự sửa chữa với nhiều mức độ trợ giúp khác nhau. Sử dụng phiếu đánh giá sửa sai cho bài tập về nhà bằng văn bản đòi hỏi nhiều hướng dẫn, nhưng sử dụng nét mặt để cho biết có vấn đề khi người học nói điều gì đó ít liên quan hơn. Cho người học đủ thời gian để tự điều chỉnh trong cuộc trò chuyện là một kỹ thuật hiệu quả. GV hướng dẫn, gợi ý hoặc dẫn dắt để SV nhận ra lỗi sai và tự sửa lỗi trong quá trình học.

*SV: Yesterday, I go to the cinema with my friends.*

*GV: Yesterday? Go?*

*SV: Yesterday?*

*GV: Yeap. Yesterday, uh go, right?*

*SV: Ah yes. Yesterday, I went to the cinema with my friends.*

*GV: Well done.*

Tự sửa lỗi giúp SV luyện lắng nghe bản thân vì đôi khi có nhiều SV vội vàng xem qua các câu trả lời chưa chính xác mà chỉ mất vài giây để thu thập thông tin và điều chỉnh ngôn ngữ cho phù hợp. Tự sửa lỗi giúp SV có trách nhiệm với việc học của mình. GV không thể sửa mọi lỗi trong mọi lúc. SV tự sửa lỗi giúp họ nhận thức tốt hơn về ngôn ngữ vì họ không chỉ nói mọi thứ bằng tiếng Anh, họ thực sự "hiểu ngôn ngữ". Bên cạnh đó, thói quen tự sửa lỗi làm cho SV tự chủ hơn trong học tập cũng như ngày càng ít phụ thuộc vào GV hơn khi họ học cách tự sửa sai. SV được tăng cường sự tự tin. Khi GV sửa lỗi cho 1 SV, các SV khác có thể nhận ra cách sử dụng ngôn ngữ đúng để tự sửa nên tần suất các lỗi tương tự ít bị lặp lại. Đôi khi GV sửa lỗi có thể làm SV mất tự tin vì cho rằng mình bị sai, nhưng tự sửa lỗi giúp SV ít khó chịu hơn. Ngoài ra, tự sửa lỗi cho phép SV đánh giá các lĩnh vực, các vấn đề theo cách của riêng khi họ có thể nhận ra rằng mắc lỗi thì động từ cần cải thiện vốn ngữ pháp, từ vựng và khả năng lựa chọn từ hiệu quả.

*4.2.2. Sinh viên sửa lỗi nhau (Peer correction):* Chỉnh sửa lỗi cho nhau là một thủ thuật trong lớp học, nơi người học tự sửa lỗi chứ không phải GV. Đây là phương pháp sửa lỗi trong quá trình học khi các SV khác trong lớp sửa lỗi thay vì để GV sửa mọi thứ. Nó hữu ích ở chỗ sửa lỗi cho nhau giúp SV nhận ra ngay lập tức và nó cũng cho phép GV có thời gian kiểm tra những phần còn lại của nội dung giảng dạy. Khi GV sửa bài tập viết đầy sáng tạo của SV bằng mực đỏ sẽ làm cho SV mặc cảm khi bài viết mắc nhiều lỗi, nhưng khi 2 SV trao đổi bài viết cho nhau, họ chỉ cho nhau và sửa ngay giúp bài viết tốt hơn và SV tự tin hơn khi GV sửa ít lỗi hơn trong bài viết của họ.

Ví dụ, khi mục tiêu của bài tập viết là viết về một sự kiện trong quá khứ, GV để SV trao đổi bài viết cho nhau và để SV có thời gian sửa lỗi cho nhau. SV sửa tất cả những lỗi liên quan đến thì quá khứ cũng như chính tả hoặc giới từ nếu có thể. GV sửa lại và ghi chú bên lề những lỗi còn lại họ cần sửa sau đó GV lựa chọn những lỗi phổ biến chữa trước lớp để SV tự sửa. Thủ thuật này giúp tiết kiệm thời gian vì trên thực tế, có một số thủ thuật GV sử dụng để hỗ trợ SV kiểm tra lỗi của vì GV

không thể sửa tất cả các lỗi một cách riêng lẻ. SV đóng vai cả người viết và người đọc hoặc ngược lại vì SV có thể đưa ra phản hồi hữu ích cho nhau.

*4.2.3. Sửa lỗi nhóm (Group correction):* Khi SV luyện tập theo nhóm, họ có thể sửa lỗi cho nhau thông qua sự trao đổi và thực hành ngôn ngữ theo yêu cầu. Đôi khi một số SV có kiến thức tốt hơn trong nhóm có thể giúp các thành viên còn lại có được bài trình bày hoàn chỉnh hơn cả về mặt văn phong, từ vựng và ngữ pháp. Việc sửa lỗi theo nhóm hiệu quả hơn, nhanh hơn và SV học lẫn nhau một cách thoải mái, tích cực hơn. Trao đổi bài của nhóm này cho nhóm khác sửa lỗi hoặc thành lập nhóm luyện nói, nhóm luyện viết đủ các đối tượng gồm khá, giỏi làm việc với SV trung bình, yếu để các em sửa lỗi lẫn nhau.

Ví dụ: GV yêu cầu SV làm việc theo nhóm và trình bày về kế hoạch của một kỳ nghỉ, các SV sẽ cùng nhau tương tác, định ra các vấn đề cần trình bày như trả lời cho các câu hỏi What, Where, When, Why, How far, How long, How,… Nếu xác định dùng thì tương lai, SV sẽ cùng nhau xác định dùng thì thời nào là phù hợp, từ vựng cũng sẽ được lựa chọn để có sự liên kết trong ngôn ngữ. GV không thể sửa chi tiết cho một nhóm duy nhất. Thông qua hoạt động nhóm, SV trao đổi và sửa lỗi cho nhau để có phần trình bày súc tích hiệu quả.

*4.2.4. Giáo viên sửa (Teacher's correction):* Hầu hết GV EFL đều biết rằng không thuận tiện để ngắt lời và sửa lỗi SV trong một hoạt động như một bài thuyết trình hoặc bất kỳ loại bài phát biểu nào. Vậy chúng ta phải làm thế nào để họ tự sửa lỗi cho mình. Trong khi SV trình bày, GV ghi lại những lỗi họ mắc phải vào một tờ giấy ghi chú nhỏ. Khi SV hoàn thành, GV khen ngợi những điểm tích cực và nêu bật khả năng sử dụng ngôn ngữ như từ vựng, cấu trúc câu hoặc cách phát âm. Sau đó GV có thể yêu cầu SV tìm lỗi sai trong một câu cụ thể hoặc yêu cầu họ điền từ đúng vào chỗ trống những lỗi phổ biến. Như thế SV sẽ thấy thoải mái tiếp nhận và sửa lỗi sai mà không bị ảnh hưởng với tâm lý mắc lỗi khi thực hành. GV sửa lỗi bài viết giúp SV viết đúng ngữ pháp, lựa chọn đúng từ vựng và mẫu câu để bài viết có chiều sâu hơn. GV lựa chọn những lỗi mà nhiều SV mắc phải để sửa trước lớp sẽ giúp SV nhận ra và viết tốt hơn. Đôi khi SV có thể nảy sinh thái độ tiêu cực đối với bài viết của mình mà GV sửa tất cả các lỗi.

*4.2.5. Mã hóa lỗi khi sửa:* Nếu GV sửa tất cả các lỗi cho SV sẽ gây tâm lý tiêu cực khi học hoặc e ngại mà khiến không khi lớp học trầm lắng. Bằng cách mã hóa lỗi, GV có thể tích bên cạnh hoặc gạch chân lỗi cần sửa giúp SV nhận ra và sửa nhanh hơn.

Ví dụ: Lỗi ngữ pháp được mã hóa là Gr (Grammar); lỗi từ vựng được mã hóa là Voc (Vocabulary); Lỗi chính tả được mã hóa là Dic (Dictation). Chi tiết hơn có thể là thì thời - Tense; sự đồng nhất về mặt chủ ngữ và động từ S-V; Lựa chọn từ phù hợp - Word choice/ WC; Trật tự từ - Order; Lỗi đánh vần - Wrong Spelling/ WS.

She often <u>have</u> breakfast at 7 o'clock.
Gr

We like playing <u>tenis</u>
Ws

Trong quá trình áp dụng các thủ thuật sửa lỗi trong khi giảng dạy, các câu hỏi phỏng vấn đã được đưa ra và nhận được phản hồi khách quan từ SV. Với câu hỏi "*Trong khi học em có thường xuyên mắc lỗi không?",* SV đã phản hồi "*Em hay mắc lỗi ngữ pháp và từ vựng*"; "*Có, vì tiếng Việt không có thì thời, cũng không chia theo ngôi thứ nên em không chia đúng dạng của động từ*"; "*Có, bài em mắc ít lỗi, nhưng cũng có bài em mắc nhiều lỗi*". Điều này chứng tỏ tùy vào độ khó của bài tập, tùy vào trình độ của SV, tùy vào thời gian thực hiện nhiệm vụ học tập, việc mắc lỗi khi thực hành ngôn ngữ diễn ra như một yếu tố phát triển và tri nhận trong quá trình học tập.

Với câu hỏi "*Thầy/ Cô có hay sửa lỗi cho em không?",* SV đã trả lời "*Khi thực hành nói, Thầy luôn sửa lỗi cho em*"; "*Có nhiều khi Cô chữa lỗi các bạn khác mà em tự sửa được*"; "*Nhiều lỗi Thầy bỏ qua nên em phải tự sửa*"; "*Có nhiều bài viết Cô sửa cho nên lần sau em mắc ít lỗi hơn*". Từ những phản hồi trên, rõ ràng việc GV sửa lỗi đã tác động đến quá trình học của SV. Những lỗi phổ biến được sửa và những lỗi nhỏ SV phải tự sửa hay việc GV sửa lỗi đã giúp SV tiến bộ hơn.

Khi được hỏi "*Em có hay tự sửa lỗi không?*", câu trả lời từ SV là "*Nếu Cô sửa lỗi cho bạn mà em nhận ra em cũng mắc lỗi tương tự thì em tự sửa*"; "*Em hay theo dõi khi Thầy sửa lỗi trên bảng để sửa vào bài của mình*"; "*Có, nhiều khi em không biết sai ở đâu để sửa*". Những phản hồi trên chỉ ra rằng, nếu các lỗi phổ biến được GV sửa, nhiều SV có thể tự sửa hoặc có thể nhận ra vì sao phần đó sai. Nhưng nếu những lỗi đặc biệt thì SV không tự sửa được và cần sự hỗ trợ từ GV.

Trả lời cho câu hỏi "*Khi làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, các bạn có hay sửa lỗi cho nhau không?*" SV đã hào hứng chia sẻ "*Em thích làm việc nhóm với các bạn khá giỏi, vì các bạn ý chỉ ra lỗi cho em và em tự sửa*"; "Đa số các bạn sửa cho nhau nên bài thực hành của chúng em luôn được khen ngợi"; "*Em hay sửa lỗi cho các bạn khi thực hành nói vì nhiều bạn ngại nên không tự tin*". Rõ ràng làm việc nhóm không chỉ phát huy tinh thần hợp tác mà còn hỗ trợ nhau thực hành ngôn ngữ đúng nhất. Việc có thể điều khiển và giúp SV thực hành nhóm hiệu quả phụ thuộc và việc quản lý lớp của GV.

Với câu hỏi "*Khi Thầy/ Cô sửa lỗi trực tiếp, em có cảm thấy xấu hổ không*?", câu trả lời nhận được từ SV là "Đôi khi em thấy ngại vì em liên tục mắc lỗi"; "*Cũng bình thường thôi ạ, vì học mà thực hành đúng luôn thì em giỏi quá*"; "*Em không thấy xấu hổ và em mong được chỉ ra lỗi nhiều hơn để em nói và viết tốt hơn*". Các câu trả lời đã chứng tỏ, tùy vào đối tượng SV, tùy vào trình độ, tùy vào độ khó của mỗi bài tập, GV có thể linh hoạt áp dụng các thủ thuật sửa lỗi cho SV một cách hiệu quả hơn.

Khi được hỏi "*Em có học được từ những lỗi đã được sửa không*?" SV không ngần ngại trả lời "*Sau khi được sửa lỗi, hầu như em không bao giờ mắc lại lỗi đó nữa*"; "*Cô sửa lỗi và hướng dẫn em làm đúng hơn nên em mong cô sửa cho em thường xuyên hơn*"; "*Có những lỗi em vẫn bị mắc phải dù cô đã sửa vì em chưa học được nhiều từ vựng*". Các phản hồi đã minh chứng cho tính khả thi của việc chữa lỗi cho SV. Tuy nhiên nên chữa khi nào, chữa như thế nào cho hiệu quả còn phụ thuộc và nhiều yếu tố, đặc biệt là trình độ và thái độ học tập của SV.

Với câu hỏi "*Thầy/ Cô mã hóa lỗi có giúp em sửa nhanh hơn không*?", các câu trả lời là "*Lần đầu em chưa nhận ra cách mã hóa, nhưng về sau em đã hiểu các ký hiệu nên em biết lỗi sai là gì*"; "*Cách Thầy mã hóa dễ hiểu là mình sai ở đâu luôn*"; "*Cô giúp em nhận ra chỗ sai cần phải sửa nhưng nhiều lúc em phân vân không biết sửa thế nào*". Các câu trả lời chứng tỏ việc mã hóa rất hữu dụng. SV có thể nhận ngay ra chỗ sai, tùy vào trình độ và lỗi để SV có thể tự sửa, sửa theo cặp, sửa theo nhóm hoặc nhờ sự trợ giúp của GV.

## 4. Kết luận

Qua quá trình phân tích dữ liệu, nghiên cứu đã chỉ ra một số các thủ thuật sữa lỗi hiệu quả cho SV trường ĐH TN&MT HN:

Khi hướng dẫn và chỉ ra bản chất của ngôn ngữ thực hành, GV đưa ra dẫn chứng, ví dụ và minh họa hay gợi ý để SV tự sửa lỗi trong giới hạn có thể. Điều này giúp SV tự tin học và có động lực chiếm lĩnh tri thức hiệu quả hơn.

Sửa lỗi theo cặp hoặc theo nhóm tạo động lực cạnh tranh học tập một cách lành mạnh và có hiệu quả lâu dài vì việc sửa lỗi được khắc sâu trong ngữ cảnh của nhiều thành viên.

GV sửa những lỗi đặc biệt hoặc có độ khó nhất định giúp SV nắm được bản chất của TA thực hành một cách chuyên sâu. Việc mã hóa các lỗi giúp SV chủ động nhận biết, tiết kiệm thời gian và ứng dụng ngôn ngữ thành thạo theo từng cấp độ.

GV nắm được SV thường sai những lỗi nào, sửa những lỗi nào, sửa như thế nào, sửa khi nào và sửa bao nhiêu cho phù hợp với thái độ đúng đắn, tích cực, phù hợp, không quá tập trung sửa lỗi vào một SV hoặc một nhóm SV tránh tình trạng để SV tự ti khi luyện tập và SV có được dữ liệu ngôn ngữ chính xác và nhận thức được việc học Tiếng Anh qua các lỗi sai (Learning English through the errors) giúp năng lực sử dụng Tiếng Anh ngày một tốt hơn.

Thủ thuật sửa lỗi mang tính giáo dục có tác dụng tích cực khi GV sửa lỗi cho SV và duy trì trải nghiệm tích cực vì việc bị sửa lỗi liên tục có thể là một nguyên nhân thực sự làm mất động lực của SV. Đưa ra phản hồi dễ hiểu, kịp thời; cung cấp cho mô hình câu hoặc ngôn ngữ đúng một cách đơn giản và ngắn gọn nhất có thể để khẳng định học tập là một quá trình, không phải khả năng tự nhiên. Yêu cầu SV sửa chữa lỗi của chính họ trước khi GV trợ giúp là một thực hành khắc sâu giúp SV phát triển kỹ năng tư duy phản biện của và nhận ra trách nhiệm học tập. Việc chủ động sáng tạo và linh hoạt trong sửa lỗi với thái độ tích cực giúp cho SV yêu thích môn học. SV được động viên, khuyến khích tham gia vào quá trình tri nhận kiến thức thông qua việc rèn luyện kĩ năng tự sửa lỗi khi có thể. Không ai có thể phủ nhận được việc mắc lỗi trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ của SV và tầm quan trọng của các thủ thuật sửa lỗi trong quá trình dạy và học TA tại trường ĐH TN&MT HN. GV trợ giúp SV trong quá trình học để SV nhận ra lỗi và tự sửa, sửa theo cặp, theo nhóm hoặc GV sửa cho SV để SV tiến bộ hơn, có thể áp dụng kiến thức hàn lâm vào thực tế giao tiếp giúp đạt được mục tiêu dạy và học hiệu quả hơn. Tuy nhiên nên sửa những lỗi nào, khi nào sửa lỗi, áp dụng các thủ thuật sửa lỗi nào hiệu quả còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như trình độ của SV, thái độ học tập của SV và thời gian cũng như độ khó của từng bài tập cụ thể. GV luôn là người chủ động trong việc kiểm soát lớp học và quá trình sửa lỗi để SV học tốt hơn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Donald, R. (2018). *Teacher and Teacher Trainer*. Eastbourne School of English. British Coucil Publisher.

[2]. Ellis, R. (2006). *Implicit and Explicit Corrective Feedback and Acquisition of L2 Grammar.* Cambridge, Cambridge University Press.

[3]. Michael, C. (2008). *Peer Correction Procedures for Intermediate and Adcanced ESL Compsition Lessons*. Vol. 10, No. 3 (pp. 321 - 326). Published by Teachers of English to Speakers of Other Languages, Inc. (TESOL).

[4]. Motlag, L. (2015). *Who do Learners Prefer to Be Corrected? Teachers or Classmates?*. Iran, Islamic Azad University Publisher, Shiraz.

[5]. Vega, P. (2017). *9 Powerful Ways to Correct your Student's Mistakes Without Destroying Their Confidence*. UK. Online Tutor Publisher.

BBT nhận bài: 18/02/2021; Phản biện xong: 26/02/2021; Chấp nhận đăng: 29/3/2021